TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:67/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 30 – 10 – 2025
V/v tranh chấp về HNGĐ – Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/10/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2025/TLPT- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về Tranh chấp "V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con chung"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ cũ: Tổ 0, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Số nhà 0, đường 0, tổ 0, khóm 0, phường C, tỉnh Đồng Tháp);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bích H: Luật sư Lê Hoà H – Thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt). Nơi làm việc: Công ty Luật TNHH MTV D– Chi nhánh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số 0, đường 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Số 0, đường 0, phường C, tỉnh Đồng Tháp);

Bị đơn: Trần Minh Đ, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ cũ: Tổ 0, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Tổ 0, khóm 0, phường C, tỉnh Đồng Tháp);

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 0, đường 0, tổ 0, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là: Số nhà 0, đường 0, tổ 0, khóm 0, phường C, tỉnh Đồng Tháp).

- Kháng cáo: Ông Trần Minh Đ, là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện vào ngày 24/12/2024; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông Đ kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 13/12/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm kinh tế để chăm lo cuộc sống của gia đình dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không thể nói chuyện và có những mâu thuẫn âm thầm không thể hàn gắn. Bà H và ông Đ đã ly thân được 02 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh Đ.

- *Về con chung*: Bà H và ông Đ có 02 con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 03/12/2007 và Trần Bảo D, sinh ngày 18/08/2011. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Trần Bảo N và Trần Bảo D với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/một tháng/một con chung. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 06/2025 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo Tờ tường trình ngày 09/5/2025 của ông Trần Minh Đ; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Trần Minh Đ trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân. Ông Đ và bà H kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 01 – 02 năm 2024 xảy ra mâu thuẫn. Ông Đ không đồng ý đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H, bởi vì lý do những mâu thuẫn mà bà H nêu không phải là vấn đề nghiêm trọng. Năm 2023, bà H cùng hai con về nhà ba mẹ ruột sống không phải do ông và bà H thỏa thuận ly thân mà để tiện cho việc đưa rước con đi học. Ông Đ xác định vẫn còn yêu thương vợ con và muốn duy trì quan hệ hôn nhân để cùng bà H chăm lo cho các con được phát triển toàn diện.

- *Về con chung:* Ông Đ và bà H có hai con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 03/12/2007 và Trần Bảo D, sinh ngày 18/08/2011. Hiện nay, hai con chung đang sống chung với bà H.

Ông Đ không đồng ý ly hôn. Trường hợp nếu ly hôn, ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung vì ông muốn các con của ông phải được ở căn nhà của ông mà không phải ở nhà ông bà ngoại.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Trường hợp ông Đ được nuôi con chung, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp bà H được nuôi hai con chung, ông Đ thống nhất với mức cấp dưỡng như bà H yêu cầu.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông Đ thống nhất như lời bà H trình bày, ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến và đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

- Về con chung: do hai con chung từ trước đến nay đều sống chung với mẹ và hai cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo yêu cầu bà H.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không ý kiến.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ - ST, ngày 09/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố C (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp) đã tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H. Chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với anh Trần Minh Đ.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích H. Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Trần Minh Đ có hai con chung Trần Bảo N, sinh ngày 03/12/2007 và Trần Bảo D, sinh ngày 18/08/2011, hiện hai con chung đang sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Bích H. Sau khi ly hôn, tiếp tục giao hai con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 03/12/2007 và Trần Bảo D, sinh ngày 18/08/2011 cho chị Nguyễn Thị Bích H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với hai cháu Trần Bảo N, sinh ngày 03/12/2007 và Trần Bảo D, sinh ngày 18/08/2011 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/một tháng/một con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2025 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền

yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003498 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị Bích H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn

Anh Trần Minh Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Kháng cáo: Vào ngày 19/6/2025, ông Trần Minh Đ là bị đơn của vụ án kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông Đ không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích H.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Minh Đ, là bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Minh Đ:

Ông Trần Minh Đ không đồng ý ly hôn như bản án sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 0 - tỉnh Đồng Tháp) đã tuyên;

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

- Tại đơn kháng cáo của ông Trần Minh Đ, ông Đ xin ly thân với bà Nguyễn Thị Bích H trong vòng 05 năm kể từ ngày Toà án ban hành bản án, để ông Đ có điều lo cuộc sống và nuôi hai con là Trần Bảo N, sinh năm 2007 học hết đại học và bé Trần Bảo D, sinh năm 2011 học đến đại học. Có thời gian để ông Đ và bà H suy nghĩ và hàn gắn gia đình, hai con có đầy đủ tình thương lẫn kinh tế của cha và mẹ như bao đứa trẻ khác.

Ông Đ trình bày vẫn còn yêu thương vợ con và muốn các con chung có gia đình trọn vẹn. Tuy nhiên, theo lời ông Đ thì vợ chồng ông ly thân từ tháng 01 – 02/2024 và tháng 04/2025, bà H khởi kiện ly hôn với ông Đ. Thời gian sống ly thân kéo dài nhưng ông Đ không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian từ khi ông Đ kháng cáo cho đến phiên tòa phúc thẩm, ông Đ không tìm cách hàn gắn tình cảm với bà H.

Ông Đ kháng cáo, đề nghị có thời gian 05 năm để hàn gắn tình cảm vợ chồng, muốn các con học xong phổ thông, đại học.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đồng ý ly hôn với bà H. Tuy nhiên, ông Đ chỉ trình bày và không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông nên không thể chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

[3] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Trần Minh Đ là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do giữ nguyên ông Trần Minh Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh Đ.

2. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp).

3. Về án phí: Ông Trần Minh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003796 ngày 26/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0 – Đồng Tháp)

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Phòng TT,KT &THA TAT
- VKSND Tỉnh;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Tòa án ND khu vực 0;
- Phòng THADS khu vực 0;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Liên Hiệp